

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 696/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-5-2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Hợp.
2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nhân - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Th phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thương Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1559/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Th**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm PS, xã ND, huyện NL, tỉnh NA.

Địa chỉ liên lạc: Số 81/15 phường B, quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Ông **Phan Công T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm PS, xã ND, huyện NL, tỉnh NA.

Địa chỉ liên lạc: Số 81/17 phường B, quận T, Thành phố H.

(Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Trương Thị Th, trình bày: Bà và ông Phan Công T chung sống năm 2007, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01/2007 ngày 06/3/2007 do UBND xã QN, huyện QS, tỉnh QN cấp. Bà cho rằng trong quá trình chung sống thì có nhiều bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên mâu thuẫn phát sinh trầm trọng không hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà có yêu cầu được ly hôn với ông T. Trong quá trình chung sống, bà

và ông T có 01 con chung là Phan Công V, sinh ngày 01/01/2007. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Công V và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, bà có yêu cầu để đôi bên tự thỏa thuận; Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phan Công T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết việc ly hôn với bà Th. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông T có mặt để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà Th nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Nguyên đơn: Bà Trương Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông Phan Công T đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà Th nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Bà Trương Thị Th và ông Phan Công T chung sống năm 2007, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01/2007 ngày 06/3/2007 do UBND xã QN, huyện QS, tỉnh QN cấp. Trong quá trình chung sống, đôi bên phát sinh mâu thuẫn nên bà Th có yêu cầu ly hôn với ông T. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th được ly hôn với ông T. Về con chung: Có 01 con chung là Phan Công V, sinh ngày 01/01/2007, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Công V, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Công V, sinh ngày 01/01/2007. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Trương Thị Th có đơn yêu cầu ly hôn với ông Phan Công T, bị đơn có địa chỉ tại số 81/17, phường B, quận T. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh.

[2]. Về nội dung: Bà Trương Thị Th và ông Phan Công T tự nguyện chung sống với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01/2007 ngày 06/3/2007 do UBND xã QN, huyện QS, tỉnh QN cấp, đây là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên bà Th có đơn yêu cầu ly hôn với ông T.

[2.1]. Qua yêu cầu của bà Trương Thị Th, Hội đồng xét xử xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ và chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau nhưng hiện tại thì bà Th đã không còn tha thiết chung sống với ông T nữa.

Ngày 08/11/2022, Tòa án nhân dân quận Bình Tân có văn bản tham khảo ý kiến về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Th và ông T tại UBND phường B, quận T, có kết quả trả lời: *“Ủy ban nhân dân phường B không tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết, hòa giải mâu thuẫn nên không rõ mâu thuẫn phát sinh tranh chấp giữa các đương sự...”*.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải, tác động để đôi bên được hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà Th vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T, còn ông T vắng mặt không có lý do. Từ đó cho thấy, đôi bên không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng của bà Th và ông T đã thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc tiếp tục chung sống là không còn ý nghĩa.

Từ những nhận định trên, nên yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Th đối với ông Phan Công T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, bà Th với ông T có 01 con chung là Phan Công V, sinh ngày 01/01/2007. Hiện nay, trẻ V đang được bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống với bà Th. Khi ly hôn, bà Th có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung trẻ V và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung là trẻ V còn nhỏ và đang được bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống hiện tại của con chung, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và để đảm bảo việc phát triển tốt về mọi mặt của trẻ nên giao cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cần thiết và cũng đúng với nguyện vọng của trẻ.

Từ những nhận định trên, đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Công V, sinh ngày 01/01/2007 của bà Th là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Th có yêu cầu để đòi bên tự thỏa thuận về tài sản chung và khai nhận không có nợ chung cũng như các nghĩa vụ dân sự khác, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th được ly hôn với ông T, giao cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Công V, sinh ngày 01/01/2007. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên bà Trương Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Th.

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Trương Thị Th được ly hôn với ông Phan Công T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyền số 01/2007 ngày 06/3/2007 do UBND xã QN, huyện QS, tỉnh QN cấp không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Trương Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Công V, sinh ngày 01/01/2007. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phan Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức gồm: Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội

liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Th có yêu cầu để đòi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

1.4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trương Thị Th khai nhận đòi bên không có nợ chung cũng như các nghĩa vụ dân sự khác và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009698 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Th phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Thị Th đã nộp đủ án phí.

Đôi bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- CC THADS quận Bình Tân;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; VP (Nhân).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Thái